TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS- ST
Ngày 16/01/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quân và bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh: Bà Phạm Bích Hồng; Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2017/QĐST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) T; Trụ sở chính: Số 108 Đ, quận K, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Thanh B, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP T (theo Văn bản ủy quyền số: 477/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T), có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Ngô Thị Kim O, sinh năm: 1972.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Đức C,

sinh năm: 1960; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn ông Lưu Thanh B trình bày: Ngày 23/12/2014, Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh N đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 với chị Ngô Thị Kim O: Số tiền vay: 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích: mua nhà ở, thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 7%/năm, lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 10,5%/năm. Khoản vay trên được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà 3 tầng) tại ô số 163 lô 3, quy hoạch khu dân cư Tây B, phường T, thành phố P, tỉnh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 477232, số vào sổ H840 do UBND thị xã (nay là thành phố) P cấp ngày 26/04/2005 mang tên Nguyễn Đức C và Ngô Thị Kim O. Giá trị tài sản tại thời điểm cho vay: 2.106.000.000đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 23/12/2014 được công chứng tại Văn phòng công chứng Q, số công chứng: 156 quyển số: 13/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 2480 ngày 23/12/2014 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) thành phố P, tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ngày 23/12/2014, Ngân hàng đã giải ngân, chị O được nhận đủ số tiền: 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay chị O đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 431.314.038đồng, trong đó: gốc đã trả: 240.000.000đồng, lãi đã trả: 191.314.038đồng. Tuy nhiên, kể từ kỳ hạn trả nợ ngày 23/01/2017 đến nay chị O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo định kỳ được quy định trong hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 ngày 23/12/2014 đã ký kết. Ngân hàng TMCP T chi nhánh N đã nhiều lần đôn đốc chị O bằng điện thoại, gửi thông báo bằng văn bản, trực tiếp đến nhà nhưng không nhận được sự hợp tác cũng như phản hồi của chị O.

Theo nguồn tin của chính quyền địa phương thì chị O và anh C hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N và chưa đi khỏi địa phương. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T giữ nguyên quan điểm khởi kiện: Buộc bên vay phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 1.074.288.335đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 960.000.000đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày 15/01/2018 là: 114.288.335đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) và không yêu cầu chị O phải trả lãi phạt chậm trả lãi. Trong trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P xử lý tài sản thế chấp của bên vay đã thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay tại hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 ngày 23/12/2014 theo quy định pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu hồi từ xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử bị đơn chị Ngô Thị Kim O đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử chị O đã có mặt tại Tòa án. Tòa án tiến hành cho chị O viết bản tự khai, được tiếp cận, công khai chứng cứ, chị O không giao nộp thêm tài liệu và không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Chị O đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01 và hợp đồng thế chấp tài sản số 01 cùng ký ngày 23/12/2014 với Ngân hàng TMCP T chi nhánh N. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị O đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 431.314.038đồng, trong đó tiền nợ gốc đã trả là: 240.000.000đồng, lãi đã trả: 191.314.038đồng. Do điều kiện kinh tế của chị O khó khăn nên kể từ kỳ hạn trả nợ ngày 23/01/2017 chị O đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay chị O xin được miễn trả tiền lãi và trả dần nợ gốc 40.000.000đồng/1tháng cho đến khi hết nợ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không có mặt tại Tòa án, không lấy được lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ về việc vắng mặt, có mặt của chị O, anh C tại nơi cư trú thể hiện chị O, anh C hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N và về nhà vào những thời điểm không cố định. Chị O, anh C không thông báo nên chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi cư trú mới. Ngôi nhà 3 tầng (của chị O, anh C) thuộc tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, hiện cho vợ chồng anh Lưu Văn Q và chị Đoàn Thị Thu H (cùng ĐKHKTT: Xóm B, xã H, huyện D, thành phố H) thuê. Theo anh Q và chị H cho biết: Vợ chồng anh chị thuê nhà của chị O, anh C từ khoảng tháng 06/2017 cho đến nay. Anh chị chỉ biết chị O, anh C hiện ở thành phố H không biết địa chỉ cụ thể. Chị O, anh C vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, về thăm nhà, thu tiền thuê nhà của anh chị vào những thời điểm không cố định. Từ khi thuê nhà cho đến nay anh chị không sửa chữa, cơi nới mới, không thay đổi kết cấu. Toàn bộ tài sản nhà đất vẫn giữ nguyên hiện trạng không thay đổi so với thời điểm anh chị thuê nhà. Nay Ngân hàng yêu cầu chị O phải thanh toán số nợ gốc và lãi đã vay, trường hợp chị O không thanh toán được nợ thì Ngân hàng sẽ phát mại tài sản thế chấp, anh chị không có ý kiến gì. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân phường T thể hiện: Ngày 26/4/2005, chị O, anh C được UBND thị xã (nay là thành phố) P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 477232 thuộc thửa đất ô số 163 lô 3 địa chỉ thửa đất thuộc tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N, hiện UBND phường T không nhận được ý kiến, kiến nghị gì đối với thửa đất trên. Ngày 24/11/2017, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất ô số 163 lô 3 quy hoạch khu dân cư Tây D, phường T, thành phố P (nay thuộc địa chỉ tổ 5, khu L, phường T, thành phố C, tỉnh Q) và tài sản trên đất là một nhà 3 tầng: Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, tài sản thế chấp về cơ bản vẫn giữ nguyên hiện trạng, kết cấu như thời điểm thế chấp tại Ngân hàng, không phát sinh tranh chấp khác, không chuyển nhượng, tặng cho, không xây mới, sửa chữa, cơi nới, tu tạo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các

quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 318, 342, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với chị Ngô Thị Kim O làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quá trình giải quyết vụ án chị O, anh C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N, tuy vắng mặt tại nơi cư trú nhưng vẫn thường xuyên về nhà vào những thời điểm không cố định, chị O, anh C không cung cấp cho chính quyền địa phương, Ngân hàng, Tòa án biết địa chỉ nơi cư trú mới. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị O, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị O, anh C.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng số: 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 và Hợp đồng thế chấp số 01, cùng ký ngày 23/12/2014 được ký kết giữa các bên trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung của hợp đồng được lập đúng quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng; Các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam; của Ngân hàng TMCP T. Tại phiên tòa

nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi phạt chậm trả lãi mà hai bên đã thỏa thuận tại điểm c mục 2.02 Điều 2 hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 ngày 23/12/2014, do đó bị đơn chị O không phải trả lãi phạt chậm trả lãi. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng tại ô số 163, lô 3 thuộc tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N đã được UBND thị xã (nay là thành phố) P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 477232, ngày 26/4/2005 cho chị O, anh C ngoài ra không có đồng sở hữu khác. Đây là tài sản hợp pháp của chị O, anh C là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đã tự nguyện thế chấp tài sản hợp pháp của mình để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng. Do đó hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300, ngày 23/12/2014 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 01 ngày 23/12/2014 có đầy đủ giá trị pháp lý. Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh N giải ngân cho chị O được nhận đủ số tiền vay là: 1.200.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị O đã trả được: 431.314.038đồng, trong đó: gốc đã trả: 240.000.000đồng, lãi đã trả: 191.314.038đồng. Từ kỳ hạn trả nợ ngày 23/01/2017 đến nay chị O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo định kỳ được quy định trong hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 ngày 23/12/2014. Khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú chị O đã không thông báo cho chính quyền địa phương, cho Ngân hàng, Tòa án biết, cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng tại thửa đất ô số 163, lô 3 thuộc tổ 5, khu L, phường T, thành phố P, tỉnh N. Về cơ bản tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như thời điểm thế chấp, không bán, tặng cho, không có tranh chấp, không có kiến nghị gì đối với tài sản thế chấp.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 318, 342, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó chị O phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký, tính đến ngày 15/01/2018 là:1.074.288.335đồng, trong đó nợ gốc là: 960.000.000đồng, nợ lãi là: 114.288.335đồng. Kể từ ngày 16/01/2018, chị Oanh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh

toán xong khoản nợ gốc. Nếu chị O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, tiền lãi như nêu trên, Ngân hàng TMCP N có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/12/2014-HĐTD/NHCT300 ngày 23/12/2014. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T thì buộc chị O phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.751.460đồng. Bị đơn là chị Ngô Thị Kim O phải chịu án dân sự sơ thẩm là: 36.000.000đ + 3% x (1.074.288.335 - 800.000.000đ) = 44.228.650đồng.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 318, Điều 342, Điều 355; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với chị Ngô Thị Kim O.

Buộc chị Ngô Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/12/2014-HĐTD/NHCT300, ngày 23/12/2014, tính đến ngày 15/01/2018 là: 1.074.288.335đ (Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là: 960.000.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi là: 114.288.335đ (Một trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 16/01/2018), chị O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 01, ngày 23/12/2014 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với chị Ngô Thị Kim O và anh Nguyễn Đức C (Tài sản thế chấp là ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích đất 67,5m^2 tại thửa đất số 163, lô 3 tại tổ 5, khu T, phường T, thành phố P, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 477232 do UBND thị xã (nay là thành phố) P cấp ngày 26/4/2005 mang tên Nguyễn Đức C và Ngô Thị Kim O để đảm bảo thi hành án. Nếu chị O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi như nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp.Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì buộc chị O phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Ngô Thị Kim O phải chịu: 44.228.650đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.751.460 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009484 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố P;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trọng Hiệp

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quân **Lê Thị Thanh Thủy** **Nguyễn Trọng Hiệp**